

P. L. 2507

Năm thứ 7 — Số 71

刊月音圓

VIÊN - ÂM

Có Giản Thanh



VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN
ANNAM PHẬT-HỌC HỘI PHÁT HÀNH

1944
IN TẠI NHÀ IN ĐUỐC TUỆ
73, Rue Richaud, 73
HANOI

GIÁ 0\$80

Cuộc thi để chọn tác phẩm hay viết bằng quốc-văn

Nghị định số 2936 đề ngày 8 Mai 1944 của Quan Thống-Đốc Nam-Kỳ, có bày ra cuộc thi Văn-Chương năm 1945, gọi là « Cuộc thi Phan-thanh-Giang » có đặt sáu phần thưởng :

Hạng nhất . . . 1.500\$00 Hạng nhì . . . 800\$00 Hạng ba . . . 500\$00
Hạng tư . . . 300\$00 Hạng năm . . . 200\$00 Hạng sáu . . . 100\$00

Và định điều-kiện như sau đây :

1. Cuộc thi này mở ra cho hết thầy người Annam, bất cứ sanh trường và cư ngụ ở nơi nào.

2. Những tác phẩm dự thi phải là tiểu-thuyết chưa xuất bản hay là đã xuất bản rồi mà chưa được giải thưởng nào và phải xu-hướng về sự thân-thiện giữa người Pháp và người Nam.

Tác-giả không được dùng một phương pháp nào rõ-rệt quá dễ gây nên cái cảm giác về sự xu-hướng ấy, chỉ để cho độc-giả tự nhiên có cái cảm giác ấy. Mỗi người có thể gởi dự thi nhiều bài.

3. Sách phải viết hay đánh máy một mặt mà thôi, và phải dày ít lắm là 200 trang và nhiều lắm là 300 trang, bề khổ 18 x 24.

Tác-giả nhớ biên ngoài bao thư biệt-hiệu hay là một câu châm-ngôn mà thể tên thật của mình, còn tên và địa chỉ thì để ở trong thư, nên nhắc biệt-hiệu hay là câu châm-ngôn một bên. Trên đầu bao thư phải đề « Concours littéraire ».

4. Những bài dự thi phải gởi làm hai bản tới sở Thông-tin, Tuyên-truyền và Báo-giới 98 Boulevard Charner, Saigon, trước ngày 1er Janvier 1945.

5. Ban chấm cuộc thi phải cần ít lắm là 5 tháng dặng coi chấm những bài dự thi.

Những bài thi phải có đủ giá trị về Văn-Chương và Tinh-Thần và chấm từ 0 tới 20 điểm.

Ba tác-phẩm hay nhất cần phải được ít lắm là 13 điểm mới được thưởng.

Phần thứ 4, thứ 5 và thứ 6 gọi là phần thưởng an-ủi dành để cho những bài tuy không được 13 điểm nhưng cũng có giá trị.

6. Tác-giả được giữ bản quyền bài của mình, dầu được giải thưởng cũng vậy. Về mặt bài được thưởng, nhà nước chỉ lấy một quyền để lãnh trong kho sách mà thôi.

Nếu ban chấm thưởng đồng công nhận rằng có 1 tác-phẩm đặc-sắc thì ở Thông-tin, Tuyên-truyền và Báo-Giới sẽ in tác-phẩm ấy, tiền in do về phần sở chủ hết. Tác-giả cuốn sách ấy được phép lãnh tiền công quyền (trước-tác) nhiều ít tùy theo số sách bán.

Nhà nước không chịu trách nhiệm nếu bài gởi dự thi bị rách hư.

Những người dự thi có thể lại sở Tuyên-Truyền rút bài thi của mình a trong kỳ hạn một tháng sau khi cho biết kết quả cuộc thi.

Saigon, le 20 JUIN 1944
Le Chef du service local de I. P. P.
Commandant AUBERT

KINH U'U-BÀ-TẮC-GIÓ'I

(Tiếp theo)

Địch giả : Tâm-Minh

PHẨM TU NGHIỆP-NHƠN 32 TƯỚNG, THỨ SÁU

Thiện-Sanh thưa : « Bạch Thế-tôn, Bồ-tát lúc nào mới được thành-tựu được thần-lực như lời Phật dạy ? » Phật đáp : « Thiện-nam-tử, khi bắt đầu tu nghiệp-nhơn của 32 tướng. Thiện-nam-tử, khi Bồ-tát tu nhóm nghiệp-nhơn như vậy thì được gọi là Bồ-tát, lại được hai thứ định : một là Bồ-đề-định (Bồ-đề tâm quyết chắc thì được Bồ-đề-định), hai là hữu-định (không còn sa đọa trong ác đạo thì gọi là hữu-định). Lại được hai định : một là tri-túc-mạng-định (biết các đời quá-khứ), hai là sanh-chánh-pháp-nhơn-định (nhận rõ chánh-pháp và tu-hành chánh-pháp). Thiện-nam-tử, Bồ-tát từ khi tu nghiệp-nhơn 32 tướng cho đến khi được Vô-thượng chánh-đẳng-chánh-giác, trong khoảng giữa, đa-văn không chán (đa-văn là học hỏi và ghi nhớ nhiều). Bồ-tát ma-ha-tát tu mỗi mỗi tướng, đều có 100 phước đức đoanh-vây : tu tâm 50 thiện-pháp, cụ tâm 50 thiện-pháp, ấy gọi là 100 phước-đức (về tu tâm có 50 thiện-pháp là pháp thập-thiện và mỗi thiện-pháp đều có 5 thiện-căn ; cụ tâm là tâm đầy-đủ, cũng có 50 pháp như vậy. Hiệp cả tu tâm và cụ tâm thành được 100 phước-đức).

Thiện-nam-tử, hết thầy thế-gian có các phước-đức, không bằng công-đức một cái lông của Như-lai. Công-đức tất cả lông của Như-lai, không bằng công-đức của một lùy-hình-hảo ; nhóm cả công-đức bát-

thập-chúng hảo, không bằng công-đức của một tướng; công-đức của hết thầy tướng khác, không bằng công-đức của tướng bạch-hào; công-đức của tướng bạch-hào lại không bằng công-đức của vô kiến-dẫn-tướng.

Thiện-nam-tử, Bồ-tát thường ở trong vô lượng kiếp, vì các chúng sanh làm lợi ích to tát, chỉ tâm siêng làm hết thầy thiện-nghiệp; vậy nên Như-lai thành-tựu khảm đủ vô lượng công-đức. 32 tướng đó tức là quả-báo của Đại-bi vậy. Chuyển-Luân-Thánh-Vương tuy có tướng ấy, song tướng không rõ-ràng, lại không thành-tựu khảm đủ.

Nghiệp-thế của tướng ấy là thân, khẩu và ý nghiệp. Khi tu nghiệp ấy, không phải tu nơi cõi trời và nơi Bắc-cu-lô-châu, mà chỉ tu nơi ba châu khác; lại chỉ tu với thân con trai chứ không phải với thân con gái. Bồ-lát ma-ha-tát khi tu các nghiệp-nhơn ấy rồi thì gọi là đầy đủ tam A-lăng-kỳ-kiếp, lần lượt thành Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

Thiện-nam-tử, thuở xưa lúc đức Phật Bảo-Đảnh, ta đầy đủ A-lăng-kỳ-kiếp thứ nhất; lúc đức Phật Nhiên-Đăng, đầy đủ A-lăng-kỳ-kiếp thứ hai; lúc đức Phật Ca-Diếp, đầy đủ A-lăng-kỳ-kiếp thứ ba. Thiện-nam-tử, ta ở nơi đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni thuở xưa (một đức Phật quá-khứ, đồng danh với Phật Thích-Ca), bắt đầu phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề-tâm; khi phát tâm ấy, ta cúng-dường vô lượng hằng sa chư Phật, trồng các thiện-căn, tu đạo, tri-giới, tinh-lấn, đa-văn. Thiện-nam-tử, Bồ-lát ma-ha-tát, khi tu nghiệp-nhơn 32 tướng rồi, rõ rõ tự biết quyết-định được Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, như xem trái Yêm-ma-lạc trong bàn tay. Nghiệp-nhơn đó tuy nhất định, song thứ lớp tu-hành về thời-gian không

cần phải nhất định.

Hoặc có người nói Như-lai được tướng Ngưu-vương nhãn trước, vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, ưa dùng con mắt lạnh mà xem chúng-sinh một cách nhu-hòa nên được tướng Ngưu-vương nhãn trước ; Rồi thứ nữa mới được các tướng khác. Hoặc có người nói Như-lai đặng tướng Bát phạm-âm trước, rồi lần lượt mới được các tướng khác. Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát trong không lường đời, thường dùng lời nói mềm mại, lời nói hỏi han trước, lời nói chân thật mà giáo hóa chúng sinh nên đặng tướng Bát phạm âm trước. Hoặc có người nói Như-lai đặng Vô-kiến-đảnh tướng trước, rồi thứ nữa mới được các tướng khác. Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, cũng dường Sư-trưởng, chư Phật, Bồ-tát, lấy đầu đánh lễ bái, tự phá lòng kiêu mạng, nên được vô kiến đảnh tướng trước. Hoặc có người nói Như-lai được tướng bạch hào trước, rồi thứ nữa mới được các tướng khác. Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời đều không phỉnh gạt hết thầy chúng-sinh, vậy nên được tướng bạch hào giữa hai chân mày trước. Thiện-nam-tử, trừ Phật Thế-tôn, các bậc khác không thể nói nghiệp nhân các tướng như vậy.

Thiện-nam-tử, hoặc lại có người nói thứ lớp ta được như vậy : Như-lai trước được tướng túc-hạ-bình, rồi lần lượt mới được các tướng khác ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, trong lúc tu nhóm đạo hạnh, bố thí, tri giới, tâm không lay động, vậy nên được tướng túc-hạ-bình trước. Được tướng ấy rồi, lần lượt được tướng túc-hạ-luân ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, cũng dường cha mẹ, sư-trưởng, thiện hữu và y như chánh-pháp

ủng hộ tất cả chúng-sinh, nên thứ nữa được tướng thủ-túc-luân. Được tướng ấy rồi lần lượt được tướng triêm-trường-chỉ ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, chỉ tâm thụ-tri giới Ưu-bà-tắc thứ nhất và thứ tư. Vậy nên thứ nữa được tướng triêm-trường-chỉ và tướng túc-ngân. Được tướng ấy rồi, lần lượt được thân-dung-mãn tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, khéo lãnh thọ các lời dạy bảo của sư-trưởng, cha mẹ, thiện-hữu nên thứ nữa được thân-dung-mãn tướng. Được tướng ấy rồi, thứ nữa được thủ-túc-võng-mạng tướng. Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, dùng tứ-nhiếp-pháp mà nhiếp-hóa chúng-sinh nên được thủ-túc-võng-mạng tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được thủ-túc-nhu-nhuễn thăng-dur-thân tướng. Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, lấy tay xoa rửa cha mẹ, trừ bỏ nhớp nhúa, và lấy dầu thơm xoa bôi, nên được thủ-túc-nhuễn tướng. Được tướng ấy rồi, thứ nữa được thân-mao-thượng-hương-my tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, thường giáo-hóa chúng-sinh khiến tu tất cả thiện-pháp, như bố-thí, tri-giới, nên được mao-thượng-my tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt mới được lộc-vương-đoan tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, chỉ tâm nghe pháp chỉ tâm thuyết pháp, cốt để phá hoại các lỗi lầm của sinh tử nên thứ được lộc-vương-đoan tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được thân-phương-viên tướng như cây Ni-nâu-Đà. Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, thường bố-thí thuốc thang cho hết thầy chúng-sinh, nên thứ được thân-phương-viên tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được thủ-quả-tất tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trọn chẳng phỉn dối tất cả Hiền-thánh, Cha mẹ, Sư-trưởng, Thiện-hữu, tri thức nên được thủ-quả-tất tướng. Được tướng ấy

rồi, lần lượt được tượng-vương-mã-vương-tạng tướng. Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, thấy người e sợ thường hay cứu giúp, lại tâm sinh tâm quý, không nói lỗi người, khéo che tội người, nên được tượng-mã-tạng tướng. Được tướng ấy rồi, thứ được nhuệ-thân-nhất-nhất - nhũ-trung-nhất-mao-sanh tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, gần gũi bậc trí giả, ưa nghe ưa bàn, nghe rồi ưa tu, lại ưa sửa sang đường xá, trừ bỏ gai góc nên được bi-phu-nhu-nhuệ-nhất-nhất-nhũ-trung-nhất-mao-sanh tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được thân-kim-sắc tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, thường bố-thí cho chúng-sinh phòng ở đồ nằm, đồ ăn uống, đèn đuốc, nên được thân-kim-sắc tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được thất-xứ-mãn-tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, trong chỗ đáng giận không sanh lòng giận, lại tùy ý chúng-sinh mà ưa bố-thí những đều cần thiết, nên được thất-xứ-mãn tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được khuyết-cốt-mãn tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, khéo biết phân biệt những tướng thiện, bất thiện, nói không sai lầm, chẳng nói vô nghĩa, miệng thường tuyên nói những pháp có thể lãnh-thu, không không tuyên truyền cần những pháp không thể lãnh, nên được khuyết-cốt-mãn tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được hai tướng : là sư-tử thân và sư-lử-hiệp ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, tự mình không lường thiệt, lại dạy kẻ khác đừng lường thiệt nên được hai tướng ấy. Được các tướng ấy rồi, lần lượt được ba tướng : một là tứ-thập-xỉ tướng, hai là bạch-tịnh-xỉ tướng, ba là tề-mật-xỉ tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không

lường đời, đem pháp thập-thiện mà giáo hóa chúng sinh, khi chúng sinh lãnh thọ rồi thì tâm sanh vui mừng và thường ưa khen ngợi công đức người khác, nên lần lượt được ba tướng như vậy. Được các tướng ấy rồi, lần lượt được tứ-nhạ-bạch tướng, Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát trong không lường đời, tu từ tâm dục giới, và ưa nghĩ các thiện pháp, nên được tứ-nhạ-bạch tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được vị-trung-lối-thượng-vị tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, không đợi người cầu rồi mới bố thí, nên được vị-thượng-vị tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được hai tướng : một là nhục-kế tướng, hai là quang-tràng-thiệt tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, chỉ tâm thu trì và giáo hóa chúng-sanh pháp thập-thiện, nên được hai tướng như vậy. Được các tướng ấy rồi, lần lượt được phạm-âm tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, tự mình lại dạy người không ác khẩu, nên được phạm-âm tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được ngu-vương-cảm-sắc-mục tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, dùng từ-thiện bình-đẳng xem tất cả oán thân, nên được ngu-vương mục tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được bạch-hào tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, tuyên nói chánh pháp, thực pháp, không hư ngụy, nên được bạch-hào-quang tướng. Được tướng ấy rồi, lần lượt được vô-kiến-đảnh tướng ; Vì sao ? vì khi làm Bồ-tát, trong không lường đời, lấy đầu đảnh lễ bái hết thầy thánh-hiền, sư-trưởng, cha mẹ và tôn trọng cung kính lán thân cúng dường, nên được vô-kiến-đảnh tướng. (Đoạn này chỉ kể 31 tướng còn thiếu tướng chữ vạn trước ngực, hào quang không lường. Thứ lớp tu thì từ chân đến đảnh để chỉ rõ

cần phải do bố-thi, tri-giới mà bắt đầu tu tập. Bồ-tát tu nghiệp nhân 32 tướng này mục-dịch cốt cứu độ chúng-sinh mà thôi).

Thiện-nam-tử, Bồ-tát có hai thứ : một là tại-gia, hai là xuất-gia. Bồ-tát xuất-gia tu nghiệp-nhơn như vậy không lấy làm khó. Bồ-tát tại-gia tu nghiệp-nhơn như vậy mới thiệt là khó ; Vì sao ? Vì Bồ-tát tại-gia bị nhiều ác-nhơn-duyên doanh-vây vậy.

PHẨM PHÁT NGUYỆN THỨ BẢY

Thiện-Sanh thưa : « Bạch Thế-tôn, ai có thể làm trước nghiệp-nhơn của 32 tướng ấy ? Phật dạy : « Thiện-nam-tử, bậc trí-giả làm được.

— « Bạch Thế-tôn, thế nào gọi là bậc trí-giả ? »

— « Thiện-nam-tử, như khéo phát được đại-nguyện vô-thượng thì gọi là bậc trí-giả, Bồ-tát ma-ha-tát phát Bồ-đề tâm rồi, tất cả thiện-duyên do thân, khẩu, ý làm ra, đều vì hết thấy chúng sanh nguyên hung hưởng kết-quả tương-lai. Bồ-tát ma-ha-tát thường gần gũi với Phật, Thanh-văn, Duyên-giác và các thiện-tri-thức, cúng-dường, cung-kính, dò hỏi, thăm hỏi rồi, thọ-tri không quên và phát lời nguyện rằng : « Tôi nay thân cận chư Phật, Thanh-văn, Duyên-giác, Thiện-hữu, thà chịu đại khổ-não trong hồng lương đời, chớ không sanh tâm thoái-chuyển vì đạo Bồ-đề. Nếu chúng-sanh lấy ác tâm đánh tằng, nói xấu, làm nhục thân tôi, nguyện tôi không lại càng thêm từ-tâm, không sanh ác niệm ; nguyện đời sau, nơi nào nơi nào chẳng thọ những thân oan gái, thân không căn, hai căn, hay thân nô-lệ ; nguyện cho thân tôi có sức tự-tại, sai khiến được khác, không để kẻ khác có sức tự-tại mà sai khiến tôi ; nguyện cho thân tôi, các căn khảm đủ,

rời xa ác hữu, không sanh những chỗ nước dữ mọi
rợ, thường sanh trong hào tánh (giòng giới giàu sang)
sắc-lực tuyệt-vời, của báu tự-tại ; được niệm tốt tự
tại, tâm chí mạnh mẽ, phàm có nói gì ai nghe cũng
vui lòng lãnh-thọ, rồi các chương-ngại, không có
phóng-dật, rồi hết thấy ác nghiệp về thân, khẩu,
ý ; thường vì chúng sanh làm lợi ích lớn, vì lợi
cho chúng sanh không tham thân-mạng, không vì
thân-mạng mà gây ác nghiệp ; khi làm lợi cho chúng
sanh chẳng cầu ân-báo ; thường hay thọ-tri 12 bộ
kinh, đã thọ-tri rồi lại dạy kẻ khác, có thể phá-
hoại ác-kiến, ác nghiệp cho chúng sanh ; hết thấy
việc đời không ai hơn được, đã hơn người rồi, trở
lại dạy người ; khéo trị bệnh nặng thân tâm cho
chúng sanh, thấy người chia rẽ làm cho hòa-hiệp,
thấy người e sợ làm việc cứu giúp, cứu giúp xong
rồi lại vì họ thuyết-pháp nhiều cách, làm cho khi
nghe xong rồi tâm họ điều-phục ; thấy đói thì thí
thần khiến cho no đủ và nguyện trong lúc họ ăn
minh như ăn cỏ cây, không sanh lòng tham ác ;
thường ưa cúng-dường sư-trưởng, cha mẹ, thiện-hữu,
túc đức ; đối với oán thân, tâm thường bình-đẳng,
thường tu lục-niệm, vô-ngã tướng và thập nhĩ nhơn-
duyên ; chỗ không có Tam-bảo thì thích ở nơi vắng
lặng tu-tập lòng từ-bi ; hết thấy chúng sanh nếu
thấy được nghe được, chạm được thân tới thì xa
rời phiền-não ». Bồ-tát tuy biết trừ Bồ-đề ra không
cầu quả khác, nhưng vì chúng sanh, vẫn cầu đồ
hoảng-dương lợi lạc.

Thiện-nam-tử, nếu Bồ-tát lập nguyện được như
vậy thì nên biết là một vị vô-thượng pháp-tái-
trưởng-giả (trưởng-giả thế-gian chỉ có của đời, trưởng-
giả này có của pháp vô-thượng), là bậc cầu địa-

vi Phap-vương mà chưa được.

Thiện-Nam-Tử, Bồ-tát Ma-ha-tát. khảm đủ 3 sự thì được gọi là phap-tái trưởng-giả : một là tâm không ưa thích sách ngoại đạo, hai là tâm không tham trước cái vui trong sanh-tử, ba là thường ưa cúng-dường Phật-Phap-Tăng Tam-bảo. Lại có 3 sự : một là khịu khổ vì người, không sanh tâm hối-hận, hai là không khảm đủ tri-huệ vi-diệu vô-thượng, ba là khi đủ thiện-phap không sanh kiêu mạn. Lại có 3 sự : một là thấy kẻ khác chịu khổ, như mình chịu không khác, hai là tu các thiện-sự đều vì chúng sanh ; Ba là khéo làm phước tiện cho kẻ khác khỏi khổ. Lại có 3 sự : một là vì quán cái vui trong sanh-tử như con rắn độc lớn ; hai là vì làm lợi cho chúng-sinh, ưa ở trong sanh tử ; ba là quán vô-sanh phap nhân rất nhiều công đức. Lại có 3 sự : một là xả thân, hai là xả mạng, ba là xả cửa, mà xả ba điều ấy đều là vì chúng sanh. Lại có 3 sự : một là đa văn không nhàm, hai là nhân được các điều ác, ba là dạy kẻ khác tu phép nhân. Lại có 3 sự : một là tự xét lỗi mình ; hai là khéo che tội người ; ba là ưa tu từ tâm. Lại có 3 sự : một là chỉ tâm phụng trì cấm-giới ; hai là lấy tứ nhiếp mà nhiếp thọ chúng-sanh (phap tứ-nhiếp là ái-ngữ, bố-thí, lợi hành và đồng-sự) ; ba là lời nói dịu dàng không thô. Lại có 3 sự : một là làm được đại pháp thí : hai là tâm được đại tài-thí, ba là dùng hai thí đó khuyên chúng-sanh làm theo. Lại có 3 sự : một là thường đem Đại-Thừa mà giáo-hóa chúng-sanh ; hai là thường tu các hạnh chuyển-lấn tăng thượng ; ba là đối với các chúng-sanh không sanh niệm khinh rẻ. Lại có 3 sự : một là tuy đủ phiền-não mà cứ nhân được ; hai là biết lỗi phiền-não ưa mà không chán ; ba là tự mình đủ phiền-não mà phá được kiết sử người khác. Lại có 3 sự : một là thấy kẻ khác được lợi thì vui mừng như mình được ;

hai là tự mình được an-lạc không thích lãnh-thọ riêng, ba là đối với các thừa dưới không tưởng là đủ. Lại có 3 sự : một là nghe khổ-hạnh các Bồ-tát mà không sợ ; hai là có người đến cầu, không hề nói không ; ba là không hề nghĩ rằng mình hơn hết thầy.

Thiện-Nam-Tử, nếu Bồ-tát biết quán nhơn quán quả, quán quả của nhơn, quán nhơn của quả, thì Bồ-tát ấy có thể đoạn nhơn-quả và được nhơn-quả. Nếu Bồ-tát có thể đoạn và được nhơn-quả thì gọi là pháp quả, là vì vua của các pháp, đối với các pháp được tự-tại.

Thiện-Nam-Tử, Bồ-Tát có hai thứ : một là tại gia, hai là xuất-gia. Xuất-gia Bồ-Tát lập nguyện như vậy không lấy làm khó. Tại-gia bồ-tát lập nguyện như vậy mới gọi là khó ; Vì sao ? vì Bồ-tát tại-gia bị nhiều ác nhơn-duyên doanh vây vậy.

PHẨM DANH NGHĨA BỒ-TÁT, THỨ TÂM

Thiện-sanh thừa : « Bạch Thế-tôn. Phật dạy có hai thứ Bồ-tát : một là giả-danh Bồ-tát, hai là thực-nghĩa Bồ-tát. Vậy thế nào thì gọi là giả-danh Bồ-Tát ?

-- « Thiện-Nam-Tử, chúng-sanh nếu phát Bồ-đề-tâm rồi, lại ưa lãnh-thọ các điền-tịch và pháp thuật ngoại-đạo, nhờ khen tụng đọc, rồi lấy pháp đó mà giáo hóa chúng-sanh, lại vì thân-mạng mình sát-hại mạng khác, lại không thích tu bi mà vui trong sanh-tử, lại thường tạo các nghiệp để lãnh-thọ các vui trong sanh-tử, lại sanh lòng nghi-ngờ đối với Tam-bảo : không có tin-tâm ; lại tiếc giữ thân-mạng không biết nhẫn-nhục, lại lời nói sỗ-sang và hối-hận phóng dật, lại đối với thân mình, sanh tưởng khinh rẻ rằng : « ta không thể được Vô-thượng Bồ-đề ; » lại sanh lòng e-sợ trong vòng phiền não mà cũng không siêng-năng tu tập những phương-tiện phá-hoại kiết-sử, lại thường sanh tâm tham

rit, ganh-tị, giận-hờn, lại thân-cận các ác-hữu, giải-dã
và tán-loạn, lại ưa ở trong vô minh, không tin lục-độ,
lại không ưa tu phước, không quán lỗi-lầm của sanh-
tử, lại ưa thọ-trì lời dữ của kẻ khác thì gọi là giả-danh
Bồ-tát. Thiện-nam-tử, lại có chúng-sanh phát Bồ-đề-tâm
muốn đăng Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, nghe phải
khổ hạnh tu-đạo trong vô-lượng kiếp rồi mới đắc đạo, mà
sanh tâm thối-hối, tuy tu-hành đạo mà tâm không chơn-
thật, không lòng tâm-quý, không niệm thương-xót, lại
ưa theo ngoại-đạo giết dê tế trời, tuy có chút tín nhưng
tâm không bền-chắc, vì cái vui ngũ dục gây nhiều đên
ác, ý sảo ý mạng, ý tài, ý của mà sanh lòng đại kiêu-
mạng, làm việc điên-đảo, không biết làm lợi-ích cho
người, vì cái vui trong sinh-tử mà làm bố-thi, vì cái
vui sanh về cõi trời mà thọ-trì cấm-giới, tuy tu thiện-
định mà chỉ vì thọ-mạng lâu dài, ấy gọi là giả-danh
Bồ-tát.

Thiệt-nghĩa Bồ-tát thì biết nghe thâm nghĩa, ưa gần
thiện hữu, ưa cúng-dường sư trưởng, cha mẹ, thiện-hữu
ưa nghe 12 bộ kinh của Như-lai và thọ trì đọc tụng,
viết chép suy nghĩa ; Vì nhơn-duyên Phật-pháp không
tiếc thân mạng, vợ con, của-cải ; tâm được chắc-chắn,
thương xót hết thầy ; miệng nói dịu-dàng, nói trước
(chào đón, hỏi-han trước) nói thiệt, không có ác-ngữ
và không lường thiệt, đối với thân mình, không sanh
tướng khinh rẻ ; dơ tay làm ơn bố-thi không gì cấm-
ngăn ; thường ưa dôi mai giao bèn tri-huệ, tuy học
ngoại-diễn nhưng cốt để phá các tà-kiến và thắng các
tà-kiến ; khéo biết các phương-tiện để điều-phục chúng-
sanh . ở chỗ Đại-chúng không sanh e-sợ ; thường dạy
chúng-sanh rằng đạo Bồ-đề dễ được, khiến cho người
nghe không sanh sợ-hãi, siêng tu tinh-tấn ; khinh-rẻ
phiền-não, làm cho phiền-não kia không được tự-tại ;

tâm không phóng-dật, thường tu nhân-nhục ; vì quả Niết-bàn, giữ giới tinh-lần, nguyện vì chúng-sanh chạy chữa giùm-giúp để cho họ được yên-lành vui-vẻ ; vì kẻ khac khịu khổ, tâm không thối-hối ; thấy người thối chuyển, tâm sanh thương xót ; cứu được hết thấy các thứ khổ-não, quán được hết-thầy tội-lỗi của sanh-lữ, đủ được 6 món Ba-la-mật vô thượng, làm các thế-sự hơn các chúng-sanh ; tin-tâm bền-chắc, tu-tập từ-bi mà không trông cầu quả-báo Từ-Bi, đối với kẻ oán người thân, tâm vẫn không hai, khi bố-thí vẫn bình-đẳng, lúc xả-thân cũng bình-đẳng ; biết tướng vô-thường không tiếc thân mạng : dùng tứ-nhiếp pháp mà nhiếp-hóa chúng-sanh ; vì biết rõ thế-để nên tùy thuận chúng-sanh ; khi vì các chúng-sanh chịu khổ, tâm không lay động như núi Tu-Di ; tuy thấy chúng-sanh làm nhiều việc ác, có chút việc lành, tâm chẳng hề quên ; đối với Tam-bảo không sanh lòng nghi và ưa cúng-dường ; Khi ít của-cải thì cấp người nghèo cùng trước, rồi sau mới thí cho người phước-diễn ; trước vì người nghèo-khổ, rồi sau mới vì người giàu có ; ưa khen việc lành của người và khai thị cho họ đạo Niết bàn, có kỹ-nghệ gì đều muốn người học, thấy học hơn mình thì sanh lòng vui-mừng ; không nghĩ lợi mình chỉ nghĩ lợi người ; thân, khẩu, ý làm các nghiệp lành, chẳng hề vì mình, thường vì người khác ; như vậy mới gọi là Thiệt-nghĩa Bồ-tát.

Thiện-nam-tử, Bồ-tat có hai thứ : một là tại gia, hai là xuất-gia, Xuất-gia bồ-tat làm thiệt-nghĩa Bồ-tat không lấy làm khó. Tại-gia Bồ-tát làm thiệt nghĩa Bồ-tát mới gọi là khó ; Vì sao ? Vì Bồ-tát tại-gia bị nhiều ác-nhơn-duyên doanh-vây vậy.

(Còn nữa)

TAI HẠI CỦA VẬT-DỤC

Diễn-giả Nguyễn Chính
Học-Tăng trường Annam Phật-Học

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

A. Duyên-khỉ. — Hôm nay, tôi xin bàn về vấn-đề tai hại của vật-dục ; vấn-đề này nên để dành cho những hạng người lớn tuổi, đã nếm qua các mùi đời, và biết một cách tường tận cái mặt trái của nó. Nay tôi còn nhỏ tuổi, chẳng những học-thức hẹp-hoài, mà sự đời còn ít lịch-duyet, thế mà bàn đến tai hại của vật-dục thì tất nhiên khó được châu-đáo ; song tôi xin thuật lại những ý-kiến đã tìm tôi trong kinh-điển, và lược-lặt những lời vàng ngọc của các bậc tiền-bối thuở xưa, dùng trí so sánh bày tỏ ra đây để cống-hiến các Ngài, trông mong các Ngài bỏ chánh cho những chỗ khuyết-diểm không thể tránh khỏi.

B. Nhập đề. — 1) Trước hết xin định-danh 2 chữ vật-dục. — Vật-dục tức là những sự làm cho người ta ưa muốn, bắt người ta phải tìm kiếm đeo đuổi, đó là cái mà người đời cho là hạnh-phúc. Những món ấy tuy nhiều, nhưng không ngoài tiền-của, sắc-đẹp, danh-giá, ăn uống, ngủ nghỉ. Đã sinh ra làm người, hay đúng hơn là đã sanh vào cõi vật-dục, trừ những bậc đã hiểu biết, đã được huấn-luyện theo chọn-lý, thì tất cả chúng sanh không một ai không ham-muốn tìm tòi 5 món dục ấy. Thử hỏi một đứa bé mười tuổi, cho đến thâm-vấn cụ già ngoài 50, chúng ta phần nhiều đều thất-vọng, nếu ta muốn tìm một người nhàm chán vật-dục.

Như trên đã nói, vật-dục nó làm cho người ta say-mê say - đắm, từ xưa tới nay đã biết bao nhiêu người lặn-lụy vì nó, người ta sanh ra hầu hết đều mưu-cầu vật-dục. Theo ý-tưởng họ, vật-dục là mục-dịch tối cao, là ngày mai rực-rỡ, là một điểm vinh quang sáng rạng. Từ khi lục-căn tiếp xúc với lục-trần, ý-thức bắt đầu phân-biệt, thế là đã nếm được mùi đời, rồi từ đó, thân-tâm họ trong mỗi hành-dộng, mỗi công việc làm, mỗi ý-nghĩ suy-tính, đều chỉ vì vật-dục, hay nói một cách khác là chỉ vì tìm kiếm những sự vui-sướng để cung-cấp cho thân-tâm. Cả một cuộc đời hoàn-toàn như cái chong-chóng xoay tròn : Tìm kiếm để mà cung-cấp, cung-cấp rồi tìm kiếm lại, mãi mãi cho đến khi thân đã mòn chán đã mỏi, bộ óc đã mệt nhoài, lúc ấy họ mới xuôi tay phó thân cho định-mệnh.

2) Bình phẩm. — Một điều mà xưa nay ai cũng ưa thích, ai cũng ham cầu, vậy chúng ta thử hỏi : « Điều ấy có lợi hay hại. » Đáp lại câu hỏi này, trong kinh Tứ-thập-nhị-chương Phật có dạy : « Tài sắc u hơn hơn chi bất xả, thí như đao nhân hữu mật bất lúc nhưt xang chi mỹ, tiêu nhi sĩ chỉ tảo hữu các thiệt chi hoạn. » Nghĩa là : « Người đối với tài sắc ham muốn không bỏ, thì như đao nhân hữu mật bất lúc nhưt xang chi mỹ, tiêu nhi sĩ chỉ tảo hữu các thiệt chi hoạn. » Nghĩa là : « Người đối với tài sắc ham muốn không bỏ, thì sẽ bị hại lớn, cũng như trên lưỡi dao dính chút mật, không đủ làm một bữa ăn ngon, thế mà đứa bé không biết hiểm vào quyết sẽ bị cái nạn đứt lưỡi. » Chẳng những Phật Thích - Ca — Một bậc đại thánh nhằm chán vật dục ở đời, vào non tu hành tìm đạo — mà cho đến các vị hiền-triết đạo-sĩ như đấng Khổng-Tử, Lão-Tử, Aristote, Platon v. v. đều lấy đức dạy người, khuyên đời không nên vì quá mê say nơi

Vật dục, mà quên hẳn đạo-lý cương-thường. Nhưng
ta đem câu hỏi ấy, hỏi những người vào hạng
trung hạ lưu trong xã-hội, họ sẽ nhìn thẳng vào
mặt quyết định trả lời rằng : « Vật dục là một điều
hay người ta cần phải có nó, nó là một viên thuốc
bỏ, một luồng gió mát, làm khoan-khoái cả thân lẫn
tâm, sau những ngày tận-tụy tìm kiếm ; là một điều
hỏa-mãn sung-sướng, nên người ta suốt đời tuy
chỉ mệt nhọc vì nó, nhưng cũng thanh-thời nếu được
nó. Sanh ra làm người cần phải ăn uống sống còn,
mà trong sự ăn uống, người ta muốn sao cho nó
được thơm ngon đầy đủ, người ta chỉ lấy sự mưu
cầu ấy làm mục-đích, nên nếu chưa được hoàn toàn
thì người ta còn tìm kiếm, tìm kiếm cho đến tuyệt
đích mới thôi, nhưng như các bậc thánh đã đoán
biết, lòng ham muốn của người là một cái hang
không đáy, mà chỗ tuyệt đích kia nó không bao giờ
đến được. Ô ! trong khoảng trăm năm chẳng có là
bao mà người đời chẳng đã mấy ai nghĩ đến, họ
chỉ nghĩ đến vật dục, hình như họ đã quên cái
họ sống là chi, nên họ mới một mục thành tâm
cống-hiến thân tâm cho mọi sự đòi hỏi của vật
dục, gặp sắc đẹp đi theo với sắc đẹp, gặp tiếng hay
dong duỗi theo tiếng hay, nhứt nhứt việc gì chẳng
kề lớn nhỏ, hễ họ ưa thích là họ bắt thân phải
làm theo, nhưng chẳng mấy khi được hoàn-toàn thỏa
mãn, bởi phàm có thân là có giác-quan đối tượng
với trần cảnh, mà trần cảnh ở ngoài là thiên sai
vạn-biệt, tất nhiên không phải cảnh nào cũng đều
thích hợp với lòng ưa muốn của họ. Bởi vậy đối
với cảnh thuận, là họ sanh tâm ưa thích say đắm,
họ muốn giữ cảnh ấy còn mãi mãi, lỡ mất đi là
họ đau khổ không cùng ; còn đối với cảnh nghịch,

là họ sanh tâm chán ghét giận dữ, nhưng có được đầu, phàm có thân tức là có lãnh thọ, không lãnh thọ vui thì lãnh thọ khổ, không lãnh thọ khổ thì lãnh thọ vui, không khổ không vui thì lãnh thọ bình thường trong chốc lát, trong ba cái đó, lúc nào người ta cũng có một cái, hết cái nọ đến cái kia, hết cái kia qua cái nọ. Dầu không ưa thích nhưng nó cũng cứ đưa đến. Vì thế nên đối với vật dục tuy lúc nào người ta cũng tận tụy tìm kiếm, nhưng kết quả đầu có dễ dàng như ý-tưởng của họ ư? Thèn khát cái tài-sản ông Bá-hộ, ao ước cái địa vị của bậc Công Khanh, đời sống của người ta chỉ mong có thế, nhưng muốn leo lên nấc thang cao với ấy, người ta phải tốn biết bao công-lực tâm-chí ; biết bao nhiêu mồ-hôi nước mắt, hay ít nữa cũng có một phước-dức gì.

Vì cái bản ngã nhỏ nhen, vì lòng ham muốn vật dục, khao khát vinh-hoa làm cho người ta phải mù quáng điên-cuồng, chỉ biết có mình cái quyền-lợi sớ hữu của mình. Vì thế nên giữa xã-hội từ xưa đến nay đã xảy ra biết bao cảnh thảm hoai : Chém giết nhau, xâu xé nhau, đánh giết nhau từng chút danh tỹ lợi. Những bi trạng ấy há không phải là tai hại bởi vật dục gây ra ư ? Trong khi mưu cầu người ta tàn ác phá hoại, tận lực đấu tranh để chiếm phần thắng lợi đã dành, cho đến khi an nhiên hưởng thụ, mà người ta cũng vẫn còn vì vật dục đến nỗi gây ra không biết bao nhiêu là tội lỗi nữa : kia như vua Trụ vua Kiệt chỉ vì mê đắm theo sắc gái bị cái nhục dục dơ bẩn làm cho tâm trí điên cuồng lương-tâm mờ-ám, đến nỗi giết người như đập kiến, lấy sự đau đớn của mọi người làm điều vui thích, mà trong tâm ý không một chút ghê

hối hận. Địa vị một ông vua mà không biết đến việc nước trăm dân, ngày ngày cứ vui thích theo tiếng hay sắc đẹp, để cho đến nỗi nước mất dân tan lòng người ly oán và tự mình cũng bị chết một cách thảm-thương . . . Ôi ! một cái thân hình như bầy được trau chuốt bề ngoài kia sao mà nó quý-hóa thế. Sắc đẹp đã tai hại như thế mà sự nguy hiểm bởi tiền của cũng chẳng vừa gì : Biết bao nhiêu người vì thế lực của kim-tiền mà quên hẳn tình anh em bè bạn, bị hơi đồng làm lóa mắt, khiến cho đái đa số người phải nhắm mắt cam lòng làm những điều tội lỗi để rồi chịu lấy mọi sự hành phạt đau-đớn, gông cùm tù-lội. Kìa những quân giặc cướp giết người đốt nhà, không chút ăn năn, không lòng thương-xót, phải chăng vì họ quá ham-chuộng tiền-của, quá say-sưa vì tiền-của. Đối với bọn người ấy, chỉ có tiền-của là làm cho họ sung-sướng, chỉ có tiền-của là mục-đích duy nhất của họ mà thôi.

Trước mắt họ, khi nào cũng chỉ thấy có vàng bạc, trong tâm-trí họ luôn luôn bị vàng bạc ám-ảnh : Biết bao nhiêu cảnh tang-thương đổ máu, mà kẻ chủ-động gây ra ấy, lại là hạng người ham-mê tiền của . . . Còn danh-vọng chỉ là một cái huyền-tượng bề ngoài chẳng quan-hệ gì đến thực tại, thực đức, mà lắm khi vì đua chen trong đường thế-lợi, còn làm cho tài-đức suy-kém là khác. Chử Công-hầu, Tề-tướng không làm cho Dương-quốc-Trung hết đồ-hiền, tật năng . . . cảnh cơm hút nước trong không làm cho thầy Nham-Uyển hết an-bần, lạc đạo, hưởng nữa vì lắm người, vì chen lấn cho được quyền cao chức trọng, đã phải gây biết bao nhiêu tội ác, làm biết bao nhiêu việc trái với lương-tâm, và để lại đời sau biết bao nhiêu oan-gia, nghiệp báo ; nhưng

chẳng những cái danh không xứng với cái thực gây nhiều tai-hại đã đành, mà cái danh đầu có xứng với cái thực đi nữa chỉ để làm cho người đời móng lòng kiêu-mạng, rất trở ngại cho đường tấn-hóa của tâm-tri. Danh như mùi thơm, đực những như miếng trâm mỗi khi mùi*thơm bay xa thì miếng trâm đã bị cháy gần hết, trâm vẫn có mùi thơm nồng-nực mà làm cho bay xa còn tai hại như vậy, huống nữa là những thứ gỗ lèn-thường ư ?

Nói tóm lại, liễn cửa, sắc đẹp, danh vọng, miếng ngon v.v. tất cả mọi sự vật-dục ở đời, đều không thể làm cho người ta hoàn toàn sung sướng, nó không phải là hạnh-phúc đối với hạng người biết chú trọng tinh thần.

Nói thế chắc sẽ có người cho rằng tôi vu-khoát. Nhưng thôi ! Chúng ta cứ lấy trí công bằng, so sánh xem xét thử coi : trong khi tìm vật-dục cần phải trèo non lặn suối, khổ sở nhọc nhằn, không từ nan mọi điều hiểm nguy khó nhọc ; dầu có dẫn thân vào nơi hang sâu núi thẳm nước độc ma thiêng để được có cái kết-quả giàu có danh vọng, thì họ đều cả quyết tiến bước mà không ngần ngại gì. Họ rất có thể vì vật-dục mà hăng hái can đảm quên cả mọi sự trở ngại khó khăn ; thậm chí có hạng người vì quá ham cầu tìm kiếm mà quên ăn quên ngủ, quên cả xương thường luân-lý, lúc nào hợ cũng chỉ nghĩ đến mưu mẹo, suy tính phương kế để chiếm đoạt cho dễ dàng. Đến khi đã thâu-hoạch được kết-quả, xác thịt họ tuy được thỏa-mãn đôi chút. Nhưng đã là sự vui thú mà họ nắm được trong tay thì không nói ai cũng biết họ cho đó là sở-hữu của họ, không lấy gì làm vui-thích nữa ; thế rồi họ đi tìm kiếm, tìm kiếm mãi đến các vật dục không thể được hoặc

khó giữ-gìn, không thể được thì họ lao thần, tiêu-từ, chặt-vật một đời, đến hơi thở cuối cùng vẫn còn tiếc nuối ; khó giữ-gìn thì họ càng yêu-quý, lỡ khi tiêu-tan, hư-hoại hoặc về tay kẻ khác thì lúc ấy là lúc họ đau - khổ nhất, xót - xa nhất và cũng buồn-rầu nhất. Vì thế nên bởi ham-cầu vật dục, say đắm nơi vật dục, khiến cho thân tâm luôn luôn bị phiền-não tham, giận, ngu-si dày vò bức-bách : tìm cầu tức là tham ; mất đi tức là giận ; hại kẻ phá hoại mình, trọng vật dục hơn tính-mạng của người, ấy tức là ngu-si vậy.

Trong ba thời đeo đuổi theo vật dục (nào tìm kiếm, giữ gìn, cho đến khi mất hẳn) đều bị sự khổ buộc ràng không lúc nào được thanh-thoi khoan-khoái. Thử xét như thế thì chẳng những vật dục nó không làm cho người ta được vui thú, mà trái lại cái tai hại của nó có thể làm cho người ta khổ-sở và gây ra nhiều tội lỗi nữa.

Đó là chỉ nói nơi đời hiện-tại, không kể đến cái kết-quả vị-lai sẽ đưa người ta đến nơi thâm-họa biết chừng nào.

Nói tóm lại « vật dục là một sự tai hại lớn lao », trong hiện đời này nó làm cho người ta phải khổ sở đau đớn, gây tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi : thương luân bại lý, quên cả tình cha mẹ anh em. Dầu cho vật-dục có làm cho người ta thỏa-mãn, nhưng cái thỏa-mãn ấy chỉ được trong chốc lát, và có với kẻ ngu-phu không biết xét đến cái mặt trái của nó, cái kết-quả khốc hại của nó mà thôi.

Tôi nói thế chắc sẽ có người bêu môi cho rằng : « Những lời vừa nói trên là những lời của kẻ bi-quan yếm-thế. Vì không hưởng được vật-dục, không

biết sự sung sướng của vật-dục nên mới nói thế mà thôi. Vật-dục là một điều mà tất cả mọi người ai ai cũng ưa thích, ai ai cũng ham chuộng và nhiệt-liệt mưu cầu lẽ nào lại là một sự đầy-nhiễm những tai hại như thế ư ? Vả lại hiện nay giữa thế-gian này, ai có tiền của dồi-dào, danh-vọng đầy-dủ, đều được mọi người tôn kính ngợi khen và liệt vào hạng thượng-lưu trong xã-hội. Như thế thì vật-dục đâu phải là một điều nguy-hiểm, một tai hại lớn lao ư ?

— Đáp lại thuyết phản-đối này, nếu các ngài là người giàu lòng báo ái, biết lấy đạo-đức làm nền-tảng cho xã-hội, thì tôi xin các ngài bình tâm suy-nghĩ, lấy trí chân-chánh xét đoán. những người vì quá ham mê vật-dục, quá say sưa nơi sắc đẹp tiếng hay tiền tài danh vọng mà quên hẳn bổn phận trách-nhiệm của mình. Nếu có kẻ can ngăn, dùng đạo-đức khuyên dạy, đã chẳng nghe lại còn đánh đập chém giết. Như vua Trụ moi ruột ông Tử-Can, vua Kiệt giết ông Phùng Long vắn vắn... Tôi nói thế hoặc ý ngài còn nghi ngờ cho rằng : Đó là những người mờ tối không biết nên mới vì vật-dục mà gây ra tội lỗi như vậy. Tôi cũng công-nhân như thế, nhưng còn những kẻ khác hưởng-thụ vật-dục, tuy không quá mờ tối đến nỗi như vậy. Song, đã ham-chuộng vật-dục, thì quyết cũng không tránh khỏi những tai như : chiếm đoạt dành dặt, thu thập quyền-lợi về phần mình, hay khi đã đạt được mục-đích rồi, lại đâm ra chơi bời truy-lạc.

Chẳng những vật-dục nó làm cho người đời phải đau đớn khổ sở, tìm kiếm nhọc lòng, mất thì tiếc, hư thì giận, hưởng thọ lắm thì sa đắm yếu hèn, không khác gì con thiêu thân hiến mình cho ngọn lửa. Vật-dục nó lại còn làm cho những người xuất-

gia chưa hoàn-toàn, phải triều-mến, phải luyến-ái, đến nỗi trái lời Phật dạy, quên cả bổn-phận trách-nhiệm của mình, và quên mình là kẻ xuất-gia, cứ mãi sức buông lung theo trần-cảnh.

Người ta, hay nói đúng hơn là tất cả chúng-sanh đều ham mê vật-dục, là những điều mà họ ưa thích, và tự cho là hạnh-phước hoàn-toàn, đến nỗi vì cái hạnh-phước giả dối ấy, làm cho họ tàn-ác gây ra không biết bao nhiêu là tội lỗi, để chịu lấy cái kết-quả sa đọa luân-hồi. Vậy chúng ta thử tìm nguyên nhân vì đâu, bởi tâm miêng ý tưởng gì mà lại mê lầm như thế.

Muốn giải-quyết nghi-vấn ấy, ta phải cần đến những lời Phật dạy trong kinh điển. Vì trong kinh có nói : « Chúng sanh vì lầm chấp có thật ngã tức là thân-tâm chánh báo, và thật pháp tức là trần-cảnh y báo, nên mới tham cầu tìm kiếm. Do tham cầu sanh ra đau-khổ mới sanh ra cạnh-tranh, đã cạnh-tranh thì chi cho khỏi xó-xét nhau, sanh ra oán hận, thù-hiềm. Mà đã có tham cầu, có sân-hận thì tại càng si-mê không còn biết gì là phát-trái . . .

Nhưng xét cho kỹ, ta sẽ thấy rằng : « Ngã tức là thân-tâm chánh-báo, và pháp là trần-cảnh y-báo, đều do nhơn-duyên giả-hợp mà thành, hoàn toàn không thật thể. Như thân chúng ta đây có phải tự nhiên mà có, hay một vật gì đủ quyền-phép sanh ra liền được đâu, mà cần phải nhờ tinh-huyết của cha mẹ, thức-ẩm của chúng ta. Khi sanh ra khỏi thai mẹ, lại phải nhờ hô-hấp không-khí, ăn uống bận mào . . . Vì thế nên Phật dạy : « Thân này do 5 uẩn 4 đại, cùng các chất nhơ-nớp mà thành ».

Đã do nhiều món hợp thành và nhiều món giúp sống, thì quyết nhiên thân này không thật thẽ, chỉ có cái tên gọi mà thôi. Một khi nghiệp-lực đã mãn, các duyên giả-hợp đồng thời tan ra, thì lúc ấy còn gì là thân, là của mình nữa.

Cáo pháp là trần-cảnh y-báo cũng vậy, cũng đều do nhân-duyên giả-hợp mà thành, như cái cây phải nhờ hột giống cùng đất nước ánh nắng v. v. mới mọc được. Đến khi nhân-duyên ly-tán thì cây kia cũng bị hư-hoại vậy. Chẳng những một cái cây mà cho đến cả đất nước núi sông cũng đều nhờ nhiều duyên hợp thành ; mà trong mỗi duyên cũng lại nhờ nhiều món khác hợp thành. Do đó ta có thể biết rằng thân ta và thân mọi người, cùng các pháp, các sắc-trần cảnh-lượng, dầu vui khổ xấu tốt v. v. . . cũng đều là giả-dối vô-thường, sớm còn tối mất, phút chốc hợp tan

Đã rõ biết thân cảnh đều vô-thường, mọi sự ưa muốn (vật-dục) tốt xấu v. v. cũng đều hoàn-toàn giả dối, khi còn khai mắt chấp nhaoáng không-chừng ; như thế thì chúng ta còn dại gì mà tham cầu cho nhọc sức, giận ghét cho mệt lòng, để rồi phải chịu lấy cái kết-quả đau đớn khổ sở ư ?

Nếu các ngài chưa tin, thì xin các ngài hãy bình tâm xét lại, các ngài sẽ thấy rằng từ xưa đến nay, đã có biết bao nhiêu người từ cái địa vị công-khanh đã xa xuống cái địa vị dân cùng một cách rất mau chóng.

Ngay sau khi hưởng những vật-dục, ta cũng đã thấy rõ cái mặt trái của nó, cái tai hại đáng ghê tởm của nó. Như sau một cuộc rượu đã tàn, ta hãy nhìn lên mặt bàn xem : nào ngồn ngăng những chén

bát, bừa bãi những món ăn thừa..., mà tất cả mọi người sau khi vui chén đều say sưa mệt mỏi. Ấy là không kể đến những sự xung-đột bởi rượu thịt gây nên, và những chứng bệnh sẽ mắc phải.

Và sau những đêm hát xướng vui đùa, gần kề tửu sắc, ta thấy rất ít người có được một cái thân hình khỏe mạnh, tửu sắc đã làm cho họ rũ-riệt thân-thể, mờ ám tâm trí, cùng những chứng bệnh nguy-hiểm thi nhau chiếm đoạt, khiến cho họ phải sớm bỏ cõi trần vì cái đời truy-lạc, quá tận-hưởng những vật-dục dể hèn, mà không nghĩ đến cái kết-quả khốc-hạt của ngày tương-lai.

Những bức gương truy-lạc ấy đã xảy ra giữa xã-hội « vật-chất văn-minh » này không biết bao nhiêu mà kể ; thế mà người ta vẫn không nhàm chán, vẫn không ghê sợ — Ôi ! lòng ham muốn của người thật quá điên-euồng đại-dột đáng thương !

3) Đối trị : Tôi nói thế không phải có ý cho rằng : « Người ta sanh ra không cần tiền-của ăn uống để nuôi sống đâu ». Tôi chỉ trông mong mọi người hay rộng hơn nữa là tất cả chúng sanh, đều nhàm chán vật dục, biết nó là một sự nguy-hiểm tai hại, nên không ham cầu ưạ muốn, mà chỉ tìm lấy một đạo-lý chơn-chánh một chủ-nghĩa siêu-việt, để y theo tu-hành để thoát ra ngoài vòng sanh tử mà thôi . . . Vô-thỉ đến nay, chúng sanh sở dĩ luân hồi trong ba cõi, xoay chuyển nơi sáu đường, lúc xuống lúc lên khi vui khi khổ ; chỉ vì mê lầm điên-đảo không nhận biết tất cả trần-cảnh đều là hư-huyễn giả-dối, nên say đắm theo vật-dục, ham-chuộng vật-dục, làm cho tánh-linh phải bị che lấp mãi sau làn mây vô-minh u-ám.

(Còn nữa)

Tựa quyển Việt-Nam Phật-Giáo-Sử⁽¹⁾

Phật-giáo khởi thủy ở Ấn-độ, truyền đi khắp các xứ lân cận Trước hết sang các nước Trung-á Tê-á, rồi thứ đệ sang Tây-tạng, sang Tàu, Cao-ly, Nhật-bản và các nước miền nam châu Á. Việt-nam ta cũng có trong phạm-vi ảnh-hưởng ấy.

Mỗi khi Phật-giáo vào xứ nào, thì tùy theo tánh tình, phong-lục, quốc-độ, thời-cơ xứ ấy mà phương-tiện truyền thụ. Phật-giáo mỗi xứ có một tính-thần và một tánh-cách khác nhau, cũng như lịch-sử các xứ ấy. Nên muốn khảo về Phật-giáo một xứ nào, cần phải chia ra làm hai phần : phần lịch-sử và phần giáo lý cùng triết-lý. Lịch-sử có khảo-cứu được rõ ràng thì giáo-lý, triết-lý, suy nghiệm mới được vớ vạc.

Hỏi đến lịch-sử Phật-giáo Việt-nam nhà, thì ai cũng bảo « có từ Đinh, Lê trải qua Lý, Trần, Lê, rồi đến bản Triều » ; tự hồ như một vấn-đề giản dị quá !

Thật vậy, các quan sử phần nhiều chỉ thấy nói đến Phật-giáo đời Đinh mà thôi. Biết đâu, bắt đầu từ Đinh, Việt-nam ta đã nhận Phật-giáo làm quốc-giáo, đặt Tăng quan trong Triều, thì chắc hẳn Phật-giáo hồi đó đã đến một trình-độ thịnh đạt lắm rồi. Bởi thế, trong vấn-đề lịch-sử, Phật-giáo Việt-nam phải có nhiều điều phức-tạp. Nhất là về vấn-đề Phật giáo truyền vào từ bao giờ ? Truyền vào cách nào ? Đường nào ? Từ phía Bắc hay từ phía Nam ? Ấy, chính những câu hỏi ấy, khiến ta cần phải đề tâm nghiên cứu.

Những sách nói về vấn-đề lịch-sử Phật-giáo Việt-nam, tuy không phải không có, nhưng cũng không lấy đâu được nhiều, mà cũng không phổ cập mọi người. Bất quá chỉ vẽ-vẽ được vài bộ như Thuyền-

Nguyên-tập-anh, Thông-yếu-kể-dăng-lục, Đạo-giáo-guyên-lưu, v.v... và một vài bộ ngữ-lục cùng năm thiên truyện kỹ các vị Cao-tăng. Vì những nỗi chạp khó khăn ấy, nên mấy ai đã có cái hứng thú về đường trữ-thuật, mà có một ít, rất ít cũng chỉ trong Chùa riêng, sao đi chép lại, chắc chưa có ai nào là hoàn-thiện mà ai cũng được xem. Tuy vậy có còn hơn không ! Nhờ có những sách ấy của tiền-nhân ta để lại, mà ta biết được chút ít về Lịch-sử Phật-giáo nước nhà. Há không phải là những tài-liệu quý hóa cho môn sử-học này hay sao ?

Khốn nỗi, những sách ấy toàn viết bằng chữ Hán, đối với phái xuất-gia không kể, còn quốc-dân ta thì khi Hán-học không được nhận dạy trong các trường công, học-giới ta lấy quốc-văn và pháp-văn thay vào. Các bậc tân tiến ngày nay, đối với khoa lịch chữ Hán xưa, gần như chìm chích vào rừng. Nếu không dịch ra chữ quốc-ngữ thì các tài-liệu quý hóa ấy cũng chẳng ích cho học-giới được bao nhiêu.

Vậy ngày nay trong Thuyền-gia, học-giới, có người ung công sưu tập, cả tài-liệu Hán-văn, Quốc-văn cùng pháp-văn, đem dịch-thuật sửa-soạn, phổ-diễn làm thành một quyển sách, khiến độc-giả có thể biết qua cả lịch-sử quốc-giáo Việt-nam trong mấy nghìn năm, há chẳng ích lắm ru ? Không những thế, những tài-liệu đã sưu tập lại, là tài-liệu quý giá cho sử học-giới sau này, dù dầu ở trong không khỏi có điều sai lầm, khiếm-khuyết, song về môn tài-liệu, thì sách này vẫn có ng to.

Chính vì các lẽ ấy nên xin giới-thiệu cùng các học-đã, và các Phật-tử Việt-nam sách Việt-nam Phật-giáo

sử-lược của Thượng-lọa Mật-Thề, giáo-sư trường Sơn. Môn Phật-Học Huế. Mong rằng Thượng-lọa bền chí sưu-tập, cố gắng làm thêm cuốn Việt-nam Phật-giáo giáo-lý thì thật bổ ích cho tương-lai Phật-giáo Việt-nam nhà lắm vậy. Riêng phần chúng tôi lấy làm mong mỏi vô cùng.

Nay kính đề

Viết tại Thư-viện chùa Quán-Sứ, trụ-sở Trung-ương Hội Phật-Giáo Bắc-kỳ Hà-nội ngày nhập-đạo, tháng 10 năm Nhâm-nọ (1942).

Thúc-Ngọc Trần-văn-Giáp

(1) Sách do nhà Tân-Việt 29 Lamblot Hà-nội, xuất bản.

LE MARÉCHAL A DIT :



Vous devez montrer au pays l'exemple de la discipline et d'une vie privée sans tache.

Thông-chê Pétain đã nói :



Các người phải trọng kỷ-luật và giữ đời tư trong sạch để nêu cao gương sáng cho nhân dân.

Inauguration de la Pagode "LINH-SON-TU"

de la S.E.E.R.B.A. à Dalat le 7 Mai 1944

*Discours prononcé par M. Võ-dinh-Dung Président
de la S.E.E.R.B.A. à Dalat*

Monsieur le Directeur des Affaires Politiques, Altesse.

La majesté de ce sanctuaire tout empli de l'Esprit du Maître invite à la méditation et au recueillement plutôt qu'aux spéculations oratoires.

Cependant ma qualité de Président de la Section Provinciale du Langbian de la Société d'Étude et d'Exercice de la Religion Bouddhique de l'Annam m'impose en ce jour solennel un devoir impérieux auquel je ne saurais me soustraire.

C'est pourquoi j'ai accepté le très grand et très lourd honneur de prendre aujourd'hui la parole devant vous.

Un proverbe annamite a dit : « Quand on mange les fruits, faut se rappeler celui qui a planté l'arbre ».

Si, au sommet de cette colline hier encore dénudée, s'élève aujourd'hui cette imposante pagode, au toit rutilant, à l'architecture harmonieuse et grave dont la population bouddhique de Dalat peut être fière, nous le devons d'abord à l'auguste élection de notre Empereur qui, dès la fondation de notre société, a bien voulu daigner en accepter le Haut Patronage, ensuite aux âmes charitables et généreuses de toute la hiérarchie sociale qui nous ont apporté une aide morale ou matérielle sans réserve, toujours empreinte d'un pur et noble désintéressement. J'ai donc le devoir, au nom de la Section Provinciale du Langbian de la Société d'Étude et d'Exercice de la Religion Bouddhique et de tous les fidèles d'aujourd'hui et de demain, d'élever une pensée respectueuse et reconnaissante vers Sa Majesté l'empereur représenté ici par Son Altesse Prince Vinh-Cân auquel nous présentons nos respectueux vœux de bienvenue, et d'exprimer publiquement notre gratitude envers ces bienfaiteurs.

Monsieur le Directeur des Affaires Politiques,

Nous regrettons infiniment que des événements douloureux

imprévus aient appelé l'Amiral hors de Dalat et l'aient empêché de présider lui-même en personne notre cérémonie. Mais le fait qu'il vous a désigné pour le représenter ce matin nous montre tout l'intérêt qu'il accorde à notre œuvre et sa pensée doit planer en ce moment au dessus de nous.

Nous vous prions donc de bien vouloir transmettre l'Amiral l'expression de notre profond et respectueux attachement, et agréer pour vous-même nos sincères remerciements.

D'ailleurs l'absence de l'Amiral ne diminue en rien la dette de gratitude que nous lui devons pour la constante sollicitude qu'il a manifestée au peuple annamite en tout ce qui touche son patrimoine moral et spirituel.

Nul n'ignore qu'il incarne avec dignité et réalisme en Indochine la politique libérale et traditionnelle de la France, du respect des traditions et des mœurs des populations rangées sous son drapeau.

Avec une hardiesse d'esprit et une générosité de cœur qui le grandissent chaque jour dans l'estime de nos compatriotes, il a entrepris l'œuvre de régénération morale et physique du peuple d'Annam.

Et l'historien de demain dira que si Paul Doumer a forgé l'armature de l'Indochine, le Gouverneur Général, Vice-Amiral d'Escadre Jean Decoux a forgé l'esprit et le corps de son peuple.

Je n'oublierais pas la bienveillance que nous avons toujours trouvée auprès de Monsieur le Résident-Maire et de Monsieur le Quan-Dao de Dalat ; A l'un et à l'autre, j'adresse ici l'expression de notre profonde gratitude.

En cette heure solennelle, ma pensée se tourne tout particulièrement vers les collaborateurs et artisans actifs de notre œuvre, vers tous les ouvriers spécialistes ou simples manœuvres qui ont travaillé avec leur cœur à l'édification de notre pagode.

A cet égard, Monsieur Nguyễn-văn-Ninh, architecte, mérite une mention spéciale. C'est lui en effet qui a conçu et dressé le plan qu'il nous a offert gratuitement.

Enfin, à vous tous qui avez daigné interrompre le cours de occupations quotidiennes pour venir si nombreux rehausser la de notre fête, je vous dis du fond de mon cœur « Merci ».

Aux heures troublées que nous vivons où la rivalité des ples et le déchainement des passions de l'homme ont déclen- une guerre titanesque à laquelle notre pacifique Annam a même payé un lourd et douloureux tribut, nous pensons que octrine bouddhique fondée sur la perfection de l'homme et our universel pourra contribuer à éviter à l'humanité de ain, assoiffée de paix, le retour de ces conflits sanglants.

Et c'est pourquoi, à l'exemple des hommes de cœur et inentes personnalités qui ont fondé la Société mère de Hué, nous efforçons, dans notre modeste sphère malgré nos es moyens, guidés seulement par notre foi, de réaliser al commun : Diffuser dans la masse annamite l'Etude de eligion Bouddhique et l'exercice rationnel de cette Religion.

Au haut de cette colline baignée de lumière, loin des bruits es tentations de la Ville, la Pagode Linh Son Tu constitue dmirable lieu de recueillement et de méditation pour tous qui aspirent à la vie droite et parfaite du Maître ou pour vaincus de la vie qui viennent réchauffer leurs cœurs et s âmes meurtris à la pure lumière de Bouddha.

Et à l'aurore naissante comme au crépuscule du soir, lors- reventira le son solennel et grave de sa cloche, tous bés devant l'autel de Notre Grand Maître, nous prierons que l'aube d'une ère nouvelle de paix et de fraternité uni- elle ne tarde pas à luire pour la France et l'Annam et l'Humanité tout entière.

P. C. C. Dalat, le 25 Mai 1944

Le Président de Section,

THƯ TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngân-phiếu bưu-diện của ngài Độc-giả kê tên dưới đây :

MM. Đỗ-công-Chân à Haiduong	28
Viên-Nhã à Huế	3
Phan-xuân-Dao à Nam-dịnh	3
Tỉnh hội Tourane	160
Nguyễn-dức-Đăng à Đồng-hới	3
Lê-văn-Chi à Huế	10
Nguyễn-văn-Cầu à Hanoi	3
Nguyễn-văn-Sắc à Thakhet	5
Bùi-văn-Đài à Sadec	3
Nguyễn-Thúc à Thanh hóa	3
Bonze Tư-thanh-Lương à Vinh	3
Paul Fabry à Phnompenh	3
Tỉnh hội Nghệ-an	27
Đoàn-trung-Còn à Saigon	8
Nguyễn-văn-Giục à Nam-dịnh	5
Phạm-văn-Thời à Huế	3
Trần-dinh-Giảng à Tourcham	8
Ngô-văn-Chiêm à Nam-dịnh	5
Bùi-thị-Trĩ à Bến-tre	1
Nguyễn-văn-Trúc à Nam định	3
Chi-hội Hòa vang	10
Bang-biện-Ca à Thudaumot	4
Tỉnh hội Qui-Nhon	9

Chúng tôi xin có lời cảm ơn chư-quý độc-giả và sẽ tiếp tục gởi nguyệt-san.